TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 108/2019/QĐST - HNGĐ	*Thiệu Hóa, ngày 13 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa (Địa chỉ: Phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh T1 thỏa thuận, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Hồng M, sinh ngày 31/3/2006 và cháu Bùi Anh T2, sinh ngày 03/8/2009, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T, anh T1 thỏa thuận chị T chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa theo biên lai thu số AA/2017/0005567 ngày 09/9/2019. Trả lại cho chị T 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt